



Mobilgear 600 XP Series

Dầu bánh răng

Mô tả sản phẩm

Mobilgear 600 XP Series là các dầu bánh răng hiệu suất rất cao có đặc tính chịu tải và áp lực cực trị vượt trội, được khuyến nghị dùng cho tất cả các loại truyền động bánh răng kín với những hệ thống bôi trơn tuần hoàn hoặc vung tóe. Dòng sản phẩm Mobilgear 600 XP được thiết kế để đáp ứng những nhu cầu thay đổi của công nghệ hộp số. Xu hướng thiết kế của công nghệ hộp số là hướng đến những bộ truyền nhỏ gọn hơn với công suất tương đương. Sự gia tăng khối suất này đòi hỏi chất lượng dầu bánh răng cao hơn. Mobilgear 600 XP Series được pha chế để đáp ứng đòi hỏi trên bằng cách tăng cường tính năng bảo vệ bánh răng, ổ đỡ và phốt kín.

Mobilgear 600 XP Series được pha chế để bảo vệ răng bánh răng khỏi sự mài mòn từ những lần hoạt động đầu tiên. Sự mài mòn rất nhỏ, được gọi là “rỗ tế vi”, có thể dẫn đến làm hỏng các răng của bánh răng. Mobilgear 600 XP Series vượt trên yêu cầu công nghiệp bảo vệ chống mài mòn cho ổ đỡ. Dòng dầu Mobilgear 600 XP có khả năng bảo vệ chống mài mòn gấp 15 lần tiêu chuẩn chống mài mòn công nghiệp của thí nghiệm FAG FE8. Công thức cân bằng của dòng Mobilgear 600 XP có thể cung cấp tối đa sự bảo vệ khỏi mài mòn và khỏi ăn mòn trong khi vẫn duy trì tính tương thích với những vật liệu làm kín hộp số thông thường. Mobilgear 600 XP giúp duy trì nguyên vẹn phốt hộp số nhằm ngăn chặn rò rỉ dầu và tránh nhiễm bẩn. Bằng cách bảo vệ bánh răng, ổ đỡ và phốt kín, Mobilgear 600 XP có thể cải thiện độ tin cậy của thiết bị và tăng năng suất.

Mobilgear 600 XP Series được khuyến nghị cho những hộp số kín công nghiệp có lắp bánh răng thẳng, bánh răng nghiêng và bánh răng nón với bôi trơn tuần hoàn hoặc vung tóe, hoạt động ở nhiệt độ dầu lên đến 100°C. Chúng đặc biệt thích hợp với những bộ bánh răng làm việc dưới điều kiện tải nặng và tải va đập. Dầu Mobilgear 600 XP cũng được dùng rộng rãi cho các hộp số hàng hải. Ngoài việc dùng cho các bánh răng, chúng cũng được dùng bôi trơn cho những ổ lăn và ổ trượt với tốc độ chậm và chịu tải cao.

Tính năng và Lợi ích

Sản phẩm dòng Mobilgear 600 XP là một sản phẩm hàng đầu của nhãn hiệu dầu nhớt công nghiệp Mobil được biết đến với sự cải tiến và khả năng hiệu suất cao. Các sản phẩm dầu gốc khoáng này được thiết kế để cung cấp dầu bánh răng công nghiệp chất lượng cao, đáp ứng được những tiêu chuẩn công nghiệp mới nhất và với tính linh hoạt cao để bôi trơn nhiều loại thiết bị công nghiệp và hàng hải.

Sản phẩm dòng Mobilgear 600 XP mang lại những đặc tính và lợi ích tiềm năng sau:

Đặc tính	Ưu điểm và Lợi ích tiềm năng
Nâng cao bảo vệ chống mài mòn bánh răng khỏi rỗ tế vi	Bánh răng và ổ đỡ ít bị mài mòn nhờ vậy thời gian dừng máy ít hơn.
Giảm mảnh vụn được hình thành từ các phần tử mài mòn	Cải thiện tuổi thọ ổ đỡ lên đến 22%, làm giảm chi phí thay thế ổ đỡ và cải thiện năng suất thiết bị.
Cải thiện bảo vệ khỏi mài mòn ổ đỡ	Cải thiện tuổi thọ ổ đỡ dẫn đến năng suất cao hơn.
Tương thích tuyệt vời với nhiều vật liệu làm kín	Giảm rò rỉ, tiêu hao dầu và bụi bẩn xâm nhập giúp giảm bảo trì, tăng độ tin cậy cho hộp số và năng suất cao hơn.
Kháng ôxy hóa dầu và chống giảm phẩm chất do nhiệt tuyệt vời	Giúp kéo dài thời gian sử dụng dầu bôi trơn, giảm lượng dầu cũng như chi phí thay dầu và giảm thời gian dừng máy.
Kháng bùn và kháng tạo cặn cao.	Hệ thống sạch hơn và giảm bảo trì
Ứng dụng rộng rãi	Nhờ có phạm vi ứng dụng rộng nên chỉ cần ít chủng loại dầu dẫn đến giảm chi phí mua và lưu kho và ít nguy cơ sử dụng sai chất bôi trơn hơn.
Kháng rỉ sét và ăn mòn thép, đồng và hợp kim mềm tối ưu.	Bảo vệ tuyệt vời những chi tiết máy, làm giảm chi phí bảo trì và sửa chữa.
Kháng sự tạo bọt và hình thành nhũ tương	Bôi trơn hiệu quả và vận hành tốt trong điều kiện dầu nhiễm nước hoặc trong các thiết bị dễ bị tạo bọt dầu.

Ứng dụng

Dầu Mobilgear 600 XP được sử dụng rộng rãi trong các ứng dụng công nghiệp và hàng hải, đặc biệt là bánh răng thẳng, nghiêng, nón và ăn khớp bánh-trục vít. Những ứng dụng cụ thể bao gồm:

- Bánh răng công nghiệp cho băng tải, máy khuấy, máy sấy, máy đùn, quạt, máy trộn, máy ép, máy nghiền, máy bơm (bao gồm cả bơm hút ở giếng dầu), máy sàng, máy đùn và những ứng dụng tải nặng khác.
- Hộp số hàng hải bao gồm hệ thống đẩy, máy li tâm, các máy móc trên boong tàu như tời dây, tời neo, cần cầu, máy via, máy bơm, cầu thang và bánh lái.
- Những ứng dụng không bánh răng như những khớp nối trục, chân vịt và những ổ lăn và ổ trượt mang tải nặng có tốc độ chậm.
- Mobilgear 600 XP 100, 150, 220, 320, 460, và 680 được chấp thuận bởi Siemens AG cho việc sử dụng trong những hộp số Flender.

Đặc điểm kỹ thuật và Sự chấp thuận

Mobilgear 600 XP đáp ứng hoặc vượt qua các yêu cầu sau:	Mobilgear 600 XP 68	Mobilgear 600 XP 100	Mobilgear 600 XP 150	Mobilgear 600 XP 220	Mobilgear 600 XP 320	Mobilgear 600 XP 460	Mobilgear 600 XP 680
AGMA 9005-E02	2 EP	3 EP	4 EP	5 EP	6 EP	7 EP	-
DIN 51517-3: 2009-06	X	X	X	X	X	X	X
ISO 12925-1 Typ	CKD 68	CKD 100	CKD 150	CKD 220	CKD 320	CKC 460	CKC 680

Mobilgear 600 XP được sự chấp thuận của các nhà chế tạo sau:	Mobilgear 600 XP 68	Mobilgear 600 XP 100	Mobilgear 600 XP 150	Mobilgear 600 XP 220	Mobilgear 600 XP 320	Mobilgear 600 XP 460	Mobilgear 600 XP 680
SIEMENS AG Flender gear units, T 7300, Table A-a, Flender Code No.		A17	A16	A15	A14	A13	A12
SIEMENS AG Flender gear units, T 7300, Table E-am, Flender Code No.			E76				
Mueller Weingarten DT 55 005		CLP 100	CLP 150	CLP 220	CLP 320	CLP 460	

Các đặc tính tiêu biểu

Mobilgear 600 XP	68	100	150	220	320	460	680
Cấp độ nhớt ISO VG	68	100	150	220	320	460	680
Độ nhớt, ASTM D 445							
• mm ² /s @ 40°C	68	100	150	220	320	460	680
• mm ² /s @ 100°C	8.8	11.2	14.7	19.0	24.1	30.6	39.2
Chỉ số độ nhớt, ASTM D 2270	101	97	97	97	97	96	90
Điểm đông đặc, °C, ASTM D 97	-27	-24	-24	-24	-24	-15	-9
Điểm chớp cháy, °C, ASTM D 92	230	230	230	240	240	240	285
Khối lượng riêng @ 15.6 °C, ASTM D 4052, kg/l	0.88	0.88	0.89	0.89	0.90	0.90	0.91
Rỗ tế vi FZG , FVA 54, Cấp hồng / Đánh giá		10 / Cao	10 / Cao	10 / Cao	10 / Cao	10 / Cao	10 / Cao

Mobilgear 600 XP	68	100	150	220	320	460	680
Kiểm tra mài mòn FE 8 , DIN 51819-3, D7,5/80-80. Roller wear, mg	2	2	2	2	2	2	2
Tải Timken, ASTM D 2782, lb	65	65	65	65	65	65	65
Thử áp lực cực trị 4 bi, ASTM D 2783,							
Tải hàn dính, kg	200	200	250	250	250	250	250
Chỉ số mài mòn có tải, kgf	47	47	47	48	48	48	48
Sự cà mòn FZG, cấp hồng							
• A/8.3/90	12+	12+	12+	12+	12+	12+	12+
• A/16.6/90		12+	12+	12+	12+	12+	12+
Bảo vệ gỉ, ASTM D 665, nước biển	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
Ăn mòn lá đồng, ASTM D 130, 3 giờ @ 100°C	1B	1B	1B	1B	1B	1B	1B
Khử nhũ, ASTM D 1401, thời gian tạo 3ml nhũ, phút @ 82°C	30	30	30	30	30	30	30
Kiểm tra tạo bọt, ASTM D 892, Khuynh hướng/Sự ổn định, ml/ml, Dây thử bọt 1	0/0	0/0	0/0	0/0	0/0	0/0	0/0
Dây thử bọt 2	30/0	30/0	30/0	30/0	30/0	30/0	30/0

Sức khỏe và An toàn

Dựa trên thông tin sẵn có, sản phẩm này không gây ảnh hưởng có hại đến sức khỏe khi được dùng tuân theo các khuyến nghị trong Bản Kỹ Thuật An Toàn Vật Liệu (MSDS). Liên hệ văn phòng bán hàng của quý vị, hoặc thông qua website <http://www.exxonmobil.com> để có các Bản MSDS này. Không nên dùng sản phẩm này khác với ứng dụng đã chỉ định. Chú ý bảo vệ môi trường khi thải bỏ sản phẩm đã sử dụng.

Tất cả các nhãn hiệu đã sử dụng ở đây là nhãn hiệu hoặc thương hiệu đã được đăng ký của Tập đoàn ExxonMobil hoặc một trong các công ty con của Tập đoàn này.

9-2014

ExxonMobil Asia Pacific Ltd
1 HarbourFront Place
#06-00 HarbourFront Tower One
Singapore 098633

+65 6885 8000

<http://www.exxonmobil.com>

Bản quyền © 2001-2014 của tập đoàn ExxonMobil.